

Bản án số: 40/2026/HS-ST

Ngày 02-7-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Hồng Thái;

Ông Nguyễn Sơn Hải;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Trung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Tâm
- Kiểm sát viên VKSND tỉnh Tuyên Quang và ông Nguyễn Việt Thắng - Kiểm sát viên VKSND khu vực 4 - Tuyên Quang.

Trong các ngày 29/6/2026 và 02/7/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2026/TLST-HS ngày 29/5/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2026/QĐXXST-HS ngày 15/6/2026 đối với bị cáo:

Lục Thị H, sinh năm 1981, tại xã L, tỉnh Tuyên Quang; căn cước số: 00218XXXXXX, cấp ngày 14/01/2025; nơi cư trú: Thôn N, xã L, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; là Đảng viên D, sinh hoạt tại chi bộ thôn N, xã L, đến ngày 24/4/2026 bị Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã L, tỉnh Tuyên Quang đình chỉ sinh hoạt đảng theo quyết định số 15 - QĐ/UBKTĐU; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lục Cáo P (đã chết) và bà Mò Thị D (đã chết); chồng là Nguyễn Tiên K, sinh năm 1987; có 01 con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt từ ngày 30/01/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh T; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

+ Luật sư Ông Nguyễn Xuân Q thuộc đoàn luật sư tỉnh T; địa chỉ: Văn phòng luật sư Nguyễn Xuân Q, số nhà A, đường B, tổ C, phường H, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

+ Bà Vương Thị Minh H1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T4 tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

- Bị hại: Chị Đặng Thị T1, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Tuyên Quang. *Chỗ ở hiện nay: Thôn T, T, huyện M, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc; có mặt.*

* Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Ông Đặng Văn N, sinh năm: 1978; địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Tuyên Quang; *có mặt.*

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Nguyễn Thị L - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T4 tỉnh Tuyên Quang; *có mặt.*

- Người làm chứng: Chị Hoàng Quỳnh C, sinh năm: 2001; trú tại: thôn N, xã L, tỉnh Tuyên Quang; *có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2019, Lục Thị H, trú tại thôn N, xã L, tỉnh Tuyên Quang quen biết với người đàn ông Trung Quốc tên Khờ M, khoảng 50 tuổi (*không xác định được danh tính*) trong quá trình đi chợ tại khu vực biên giới Trung Quốc, H và Khờ M có cho nhau số điện thoại để liên lạc và sau đó Khờ M gọi điện bảo H tìm người đi làm thuê bên Trung Quốc, H nhận lời. Khoảng đầu tháng 8/2019, mẹ của T1 là bà K1 có nhờ H tìm việc làm thuê cho con gái là Đặng Thị T1, sinh năm 1996, trú tại thôn T, xã L, tỉnh Tuyên Quang đi lao động làm thuê tại cửa khẩu. Khi tìm được người H gọi cho ông Khờ M báo tin là tìm được người rồi, ông Khờ M có hẹn H vào ngày chợ mồng 9 đưa người lên để cùng đưa sang Trung Quốc. Đến cuối tháng 8/2019 (*không nhớ chính xác ngày*) vào ngày chợ mồng 9, H điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đen xanh (*không xác định được biển kiểm soát*) chở T1 từ xã L đi lên biên giới mồng 9, xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang (*nay là mốc 358 xã B, tỉnh Tuyên Quang*). Đến khu vực chợ M1 358, xã B, H cất xe vào bãi đất trống rồi gọi điện cho Khờ M thông báo đã đến. Lúc đó Khờ M đã có mặt tại mốc 358, K, H, T1 ăn sáng tại chợ rồi cùng nhau đi qua khu vực đường mòn cạnh mốc 358 để đi sang Trung Quốc. Khi đến mốc số 9 huyện M, N1 Đại lễ sinh năm 1986, trú tại thôn T, ủy ban thôn M, trấn H, huyện T, C, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc và 01 đàn ông họ Lục (*không xác định được danh tính*) đã đợi sẵn và đưa đi bằng xe ô tô vào sâu nội địa Trung Quốc. Về đến nhà Nhiếp Đại L1, tại đây Nhiếp Đ đã đưa cho người đàn ông họ Lục số tiền 26.000 NDT. Lục Thị H ngủ tại nhà Nhiếp Đ một hôm, đến sáng ngày hôm sau, H và Khờ M quay trở về.

Khi về đến đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc, H được Khờ M đưa cho 300 NDT tiền công và 01 chiếc bếp từ. Ngoài ra, Khờ M đưa cho H 3.000 NDT để đưa cho mẹ của T1 là bà Đặng Thị K1. H liên hệ bà K1 đến nhà H để đưa tiền, trong quá trình đưa số tiền 3.000 nhân dân tệ cho bà K1, H nhờ con gái là Hoàng Quỳnh C, sinh năm 2001 sử dụng điện thoại của H để quay video lại. Tỷ ở lại bị ép làm vợ Lễ khoảng 01 năm thì sinh được 01 người con trai. Quá trình sinh sống Lễ thường xuyên say rượu, mắng chửi Tỷ. Đến năm 2022 thông qua

mạng xã hội Wechat, [T1](#) liên lạc được với chị gái ruột là [Đặng Thị T2](#), đang sinh sống cùng chồng tại Trung Quốc, [T1](#) kể lại cho [T2](#) việc bị ép bán cho [Nhiếp Đại L1](#) và được [T2](#) hướng dẫn cách bỏ trốn. Đến đầu năm 2023, [T1](#) trốn thoát khỏi nhà [N1](#) Đại Lễ và được [T2](#) đón về nhà, sau đó [T1](#) lấy 01 người hàng xóm của [T2](#) là [Bàn Quang H2](#), sinh năm 1971, trú tại [thôn T, T, huyện M, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc](#) và sinh được 01 người con trai. Đến năm 2024, [T1](#) được [H2](#) đưa đến [L4](#) tại [C, Trung Quốc](#) làm thủ tục đăng ký kết hôn và làm hộ chiếu để thuận tiện trong việc trở về Việt Nam thăm gia đình.

Đến ngày 15/8/2025, [Đặng Thị T1](#) đến Cơ quan CSĐT [Công an tỉnh T](#) để tố giác sự việc.

- Ngày 08/9/2025, Cơ quan CSĐT [Công an tỉnh T](#) ra Quyết định trưng cầu giám định kỹ thuật số điện tử số: B220/QĐ-CSHS đến [Phòng K2 Công an tỉnh T](#), đối với 13 đoạn video do [Lục Thị H](#) cung cấp và 01 đoạn video do [Đặng Văn N](#) cung cấp. Nội dung giám định: Các đoạn video trên có bị cắt ghép, chỉnh sửa không? Ngày 17/9/2025 [Phòng K2 Công an tỉnh T](#) ra Kết luận giám định số: 1153/KL-KTHS. Kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung đối với các đoạn video gửi giám định.

- Tại biên bản xác định hiện trường ngày 12/3/2026 của Cơ quan CSĐT [Công an tỉnh T](#) bị cáo [Lục Thị H](#) và bị hại [Đặng Thị T1](#) đều xác định địa điểm [H](#) đưa [T1](#) sang Trung Quốc là khu vực Biên giới mốc 9 thuộc [thôn Đ, xã B, tỉnh Tuyên Quang](#).

- Tài liệu thu thập kết quả phối hợp điều tra vụ án mua bán người giữa [Công an tỉnh T](#) và [Công an C1](#), tỉnh Vân Nam, Trung Quốc thể hiện: Nội dung biên bản thẩm vấn [Nhiếp Đại Lễ](#) lập hồi 15 giờ 33 phút, ngày 16/9/2025 tại [Đồn Công an G, Công an huyện C1, Trung Quốc, Nhiếp Đ](#) khai nhận đã mua [Đặng Thị T1](#) từ một người đàn ông Trung Quốc họ [Lục \(hoặc họ L2\)](#) với giá 26.000 nhân dân tệ. Quá trình thẩm vấn Công an [Châu Văn S](#) cho [Nhiếp Đại Lễ](#) nhận dạng qua ảnh đối với [Lục Thị H](#), quá trình nhận dạng [Nhiếp Đ](#) xác nhận là [Lục Thị H](#), người đi cùng với người đàn ông họ [L3](#) và có mặt khi nhận số tiền 26.000 NDT.

- Biên bản thẩm vấn bà [Hầu Đức H3](#) lập hồi 09 giờ 24 phút, ngày 12/9/2025 tại [Đồn Công an H5, cục Công an huyện T, Trung Quốc](#), bà [Hầu Đức H3](#) khai nhận mua [Đặng Thị T1](#) với giá 26.000 nhân dân tệ, do con trai là [N1](#) Đại Lễ đi làm thuê ở [huyện L, huyện M](#) Pho quen biết với 03 người đưa [T1](#) đến bán. Bà [H3](#) khẳng định [Lục Thị H](#) là người đã đưa mẹ của [T1](#) đến nhà muốn đưa [T1](#) về Việt Nam vào thời điểm tháng 9/2019 nhưng bà [H3](#) không đồng ý và nói nếu muốn đưa về Việt Nam thì phải hoàn trả cho bà [H3](#) số tiền mua chị [T1](#) là 26.000 NDT.

Cáo trạng số 56/CT-VKSTQ-P2 ngày 27/05/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo [Lục Thị H](#) về tội “Mua bán người” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo [Lục Thị H](#) nhất trí nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội “Mua bán người” theo điểm

d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự, tuy nhiên bị cáo vẫn khai báo quanh co về hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa đã luận tội bị cáo; phân tích, đánh giá nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với bị cáo [Luc Thi H](#) vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo [Luc Thi H](#) phạm tội “Mua bán người”.

- *Về hình phạt*: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo [Luc Thi H](#) từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Xét thấy yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại với tổng số tiền 516.000.000 đồng (*chi phí tiền công đi tìm bị hại và đi lại làm việc với các cơ quan chức năng là 116.000.000đ và 400.000.000đ bồi thường danh dự, nhân phẩm*) là quá cao. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 592 Bộ luật Dân sự, chấp nhận một phần đề nghị của bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại; buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại theo quy định của pháp luật.

- *Về biện pháp tư pháp*: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; trả lại cho bị cáo [Luc Thi H](#) 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 13 Pro 5G màu đen, màn hình cảm ứng.

* Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 1.020.000đ, bị cáo hưởng lợi bất chính.

- *Về án phí*: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; tại phiên tòa có đơn xin miễn án phí. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Nhất trí quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đối với bị cáo [Luc Thi H](#) về tội “Mua bán người” theo điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự, nhận thấy trong suốt quá trình điều tra bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận được đưa bị hại sang Trung Quốc cùng với đối tượng tên là [Khò M](#); bị cáo đã tác động gia đình nộp vào Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang số tiền 10.000.000đ để bồi thường cho bị hại; bản thân bị cáo có thành tích trong công tác, được chính quyền địa phương tặng giấy khen; bố chồng bị cáo là người có công với cách mạng; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo tại các điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Luật sư đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo chỉ là người giúp sức cho đối tượng tên là [Khò M](#), bị cáo có 02 tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, để xử phạt bị cáo một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật, theo đó Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét xử phạt bị cáo [Luc Thi H](#) từ 06 đến 07 năm tù là phù hợp; miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về biện pháp tư pháp; bồi thường thiệt hại và án phí Luật sư nhất trí đề nghị của Kiểm sát viên.

Trợ giúp viên pháp lý [Vương Thị Minh H1](#) là người bào chữa cho bị cáo [Luc Thi H](#) nhất trí quan điểm đề nghị của Luật sư [Nguyễn Xuân Q](#), không có ý kiến bổ sung gì khác.

Bị cáo [Luc Thi H](#) nhất trí quan điểm của người bào chữa, không tham gia tranh luận bổ sung.

Ông [Đặng Văn N](#) - Người đại diện hợp pháp cho bị hại [Đặng Thị T1](#) trình bày: Sau khi gia đình ông phát hiện việc bị cáo đưa chị [T1](#) sang Trung Quốc bán, ông đã gọi điện yêu cầu bị cáo [H](#) đến gia đình ông để nói chuyện, khi đó bị cáo đã thừa nhận được bán chị [T1](#) là cháu gái của ông, nhưng tại phiên tòa bị cáo [H](#) khai báo quanh co nên ông đồng ý mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị; không đồng ý quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo. Về phân trách nhiệm dân sự, nếu các cơ quan pháp luật cho rằng yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại đối với chị [T1](#) là quá cao thì ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại [Đặng Thị T1](#) trình bày: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo [Luc Thi H](#) về tội “Mua bán người” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trợ giúp viên pháp lý tôn trọng ý kiến trình bày của ông [Đặng Văn N](#) là người đại diện hợp pháp cho chị [T1](#), đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo [Luc Thi H](#) mức hình phạt từ 08 đến 09 năm tù và buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại theo quy định của pháp luật.

Bị hại [Đặng Thị T1](#) nhất trí quan điểm của người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền lợi cho bị hại, không có ý kiến đề nghị gì khác.

Kết thúc phần tranh luận, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm như đã luận tội, không nhất trí áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo [Luc Thi H](#) như quan điểm của Luật sư, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình; cho phép bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại và gia đình bị hại; kính mong được Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, để bị cáo sớm được trở về để lao động, làm công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự thủ tục, không có khiếu nại, tố cáo, nên đều hợp pháp.

[2]. Thời điểm bị cáo đưa bị hại sang Trung Quốc cũng như các giai đoạn tố tụng bị hại [Đặng Thị T1](#) đều đã thành niên, kết quả điều tra không có tài liệu nào chứng minh chị [T1](#) bị mất năng lực hay hạn chế năng lực hành vi. Tuy nhiên, chị [T1](#) là người dân tộc thiểu số, không biết chữ, không nghe nói được tiếng phổ thông, trong giai đoạn điều tra ông [Đặng Văn N](#) là chú ruột của chị [T1](#) đã có đơn trình bày và cho rằng chị [T1](#) nhận thức hạn chế, do sinh sống nhiều năm bên Trung Quốc nên chị [T1](#) gần như không giao tiếp được bằng tiếng phổ thông nên ông [N](#) có đơn đề nghị các cơ quan tiến hành tố tụng tạo điều kiện cho ông được tham gia với tư cách là người đại diện hợp pháp cho bị hại. Xét thấy, đề nghị của ông [N](#) là chính đáng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại nên được xem xét, chấp nhận.

[3]. Về tội danh và định khung hình phạt: Quá trình điều tra, bị cáo [H](#) chỉ thừa nhận hành vi đưa bị hại sang Trung Quốc trái phép, nhưng bị cáo không được bán chị [T1](#) nên không phạm tội mua bán người. Trong giai đoạn truy tố và tại phiên tòa bị cáo trình bày, VKSND tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội “*Mua bán người*” theo điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, bị cáo chỉ giúp mẹ con chị [T1](#), đưa chị [T1](#) sang Trung Quốc tìm việc làm, chứ không được bán chị [T1](#) cho ai, lý do bị cáo nhận tội là vì sau khi trở về Việt Nam, gia đình chị [T1](#) cho rằng bị cáo bán chị [T1](#) sang Trung Quốc nên chửi bới, yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền lớn và gây sức ép cho bị cáo nên bị cáo sang Trung Quốc mục đích đón chị [T1](#) về thì gia đình [Nhiếp Đại L1](#) kể lại đã trả tiền mua chị [T1](#), nếu muốn người thì phải trả gấp đôi tiền, do không có tiền chuộc nên bị cáo đã không đón được chị [T1](#) về, hơn nữa bị cáo đã cầm tiền của [Khờ M](#) nên bị cáo biết bị cáo đã sai trái với pháp luật.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bị cáo khai nhận bị cáo phạm tội “*Mua bán người*”, nhưng lời khai của bị cáo thể hiện nhiều mâu thuẫn, thiếu logic và không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Nếu thực sự bị cáo chỉ có ý định giúp mẹ con chị [T1](#) tìm việc làm, thì hoàn toàn bị cáo có thể có những cư xử khác bằng cách cung cấp số điện thoại của [Khờ M](#) để bà [K1](#) hoặc chị [T1](#) trực tiếp liên hệ. Tại phiên tòa bị cáo khai nhận, bị cáo mở quán bán hàng ăn sáng gần nhà bà [K1](#) là mẹ đẻ của chị [T1](#), có thu nhập bình quân từ vài trăm nghìn đến 1 triệu đồng/1 ngày, trong khi không được hứa hẹn trả công từ [Khờ M](#) và cũng chưa nhận tiền công từ bà [Đặng Thị K1](#), mà bị cáo lại trực tiếp sử dụng phương tiện của mình đưa bị hại vượt biên giới sang Trung Quốc sau đó cùng [Khờ M](#) đưa bị hại vào sâu trong nội địa Trung Quốc và đến giao cho gia đình [Nhiếp Đại Lễ](#). Bị cáo còn khai rằng, trên đường đi thấy [Khờ M](#) đưa bị hại vào sâu trong nội địa Trung Quốc, không đúng như lời hứa ban đầu chỉ cách biên giới khoảng 03 km,

bị cáo đã nhiều lần yêu cầu quay lại nhưng do [Khờ M](#) thuyết phục nói là sắp đến nơi nên bị cáo vẫn tiếp tục đi theo [Khờ M](#) cùng 3 đối tượng nam giới không quen biết ngồi trên xe ô tô dẫn đường đến nhà [Nhiếp Đ](#). Lời khai này càng thể hiện bị cáo nhận thức được việc đưa bị hại sang Trung Quốc không phải nhằm mục đích tìm việc làm thông thường, nhưng vẫn tiếp tục cùng [Khờ M](#) thực hiện hành vi đưa bị hại đến nơi giao nhận.

[5]. Quá trình xét hỏi cũng xác định bị cáo không có quan hệ họ hàng, thân thích với bị hại; không có nghĩa vụ phải trực tiếp đưa bị hại sang Trung Quốc. Mặc dù bị cáo không trực tiếp nhận số tiền 26.000 nhân dân tệ do [Nhiếp Đại L1](#) giao để mua chị [T1](#), nhưng lời khai của [Nhiếp Đại L1](#) cùng các tài liệu điều tra đều xác định tại thời điểm giao nhận tiền, bị cáo có mặt tại nhà [Nhiếp Đ](#) cùng [Khờ M](#) và các đối tượng khác. Trên đường về Việt Nam, [Khờ M](#) đã đưa cho bị cáo 300 nhân dân tệ và 01 bếp từ, đồng thời giao thêm 3.000 nhân dân tệ để chuyển cho mẹ bị hại (theo lời khai của bị cáo), đây là tình tiết khách quan thể hiện bị cáo đã được hưởng lợi từ việc đưa chị [T1](#) sang Trung Quốc bán cho [Nhiếp Đại L1](#). Như vậy, cho dù bị cáo không thừa nhận có sự bàn bạc với [Khờ M](#) từ trước, nhưng bản thân bị cáo đã từng là Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ xã, có trình độ hiểu biết nhất định, khi bị cáo cùng [Khờ M](#) đưa bị hại sang đến Trung Quốc, bị cáo phải hơn ai hết biết được âm mưu, thủ đoạn của [Khờ M](#) cũng như các đối tượng người Trung Quốc, song bị cáo vẫn cố ý thực hiện và cùng [Khờ M](#) giao bị hại [T1](#) cho [Nhiếp Đại L1](#). Lời khai của bị cáo cho rằng bị cáo chỉ giúp bị hại đưa sang Trung Quốc tìm việc làm chỉ là phương thức thủ đoạn, bị cáo lừa bị hại, vì sự cả tin và do thiếu hiểu biết bị hại mới nghe theo lời dụ dỗ của bị cáo.

[6]. Đối với các video, hình ảnh và file ghi âm do bị cáo giao nộp trong quá trình điều tra, Hội đồng xét xử nhận thấy đây chỉ là các tài liệu do chính bị cáo chủ động ghi lại. Nội dung các tài liệu này không chứng minh được việc bị hại tự nguyện sang Trung Quốc làm thuê, cũng không loại trừ hành vi mua bán người. Ngược lại, lời khai của bị hại phù hợp với các chứng cứ khác trong hồ sơ thể hiện bị cáo đã yêu cầu bị hại tập nói tiếng phổ thông để nói rằng tự nguyện sang Trung Quốc làm thuê; nếu không sẽ bị bán đến nơi khác xa hơn. Do đó, những tài liệu này không làm thay đổi bản chất vụ án.

[7]. Từ những phân tích, đánh giá trên đây Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Lợi dụng việc chị [Đặng Thị T1](#) có nhu cầu sang Trung Quốc làm thuê, [Lục Thị H](#) đã liên hệ với [Khờ M](#) để đưa bị hại vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc giao cho gia đình [N1](#) Đại Lễ làm vợ nhằm hưởng lợi ích vật chất. Sau khi bị giao, chị [T1](#) bị ép chung sống như vợ chồng với [Nhiếp Đại L1](#), sinh một người con và chỉ đến đầu năm 2023 mới bỏ trốn được. Đến ngày 15/8/2025, bị hại trở về tố giác hành vi phạm tội của bị cáo. Hành vi của bị cáo [H](#) đã thỏa mãn yếu tố cấu thành tội “Mua bán người”, với tình tiết tăng nặng định khung hình phạt “Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự.

[8]. Đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm hại đến quyền tự do, danh dự, nhân phẩm của người khác, là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ. Hành vi phạm tội của

bị cáo gây mất trật tự an ninh chính trị tại địa phương, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân; làm ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục, truyền thống của người phụ nữ Việt Nam, xem phụ nữ như một món hàng hóa, mua bán lấy tiền, đồng thời ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh biên giới giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc. Bị cáo [Luc Thi H](#) là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc lừa bị hại sang Trung Quốc để bán lấy tiền là vi phạm pháp luật, song vì mục đích vụ lợi, bị cáo bất chấp pháp luật, lợi dụng sự kém hiểu biết, nhẹ dạ cả tin của bị hại, bị cáo đã kết nối cùng với các đối tượng khác người Trung Quốc lừa gạt, đưa bị hại ra khỏi biên giới Việt Nam đưa sang Trung Quốc để được hưởng lợi nhuận.

[9]. *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Không có.

[10]. *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Quá trình điều tra bị cáo chỉ thừa nhận được đưa bị hại sang Trung Quốc chứ không được bán chỉ [T1](#) cho các đối tượng người Trung Quốc. Trong giai đoạn truy tố và kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận tội danh “*Mua bán người*” theo Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang là đúng người, đúng tội nhưng vẫn khai báo quanh co về ý thức chủ quan của bị cáo khi giao bị hại cho các đối tượng người Trung Quốc, bị cáo không biết đó là hành vi mua bán người nên Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng ở mức độ hạn chế. Ngoài ra, bị cáo tác động gia đình nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang số tiền 10.000.000đ để bồi thường cho bị hại; trong các năm 2007 và 2014 bị cáo được Hội Phụ nữ huyện Vị Xuyên tặng Giấy khen do có thành tích xuất sắc trong công tác hội; bố chồng bị cáo là người có công với cách mạng; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[11]. Về hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo [Luc Thi H](#) cần phải xử lý bằng biện pháp hình sự với mức án đủ nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo, đồng thời có ý nghĩa răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo cũng chỉ là người giúp sức theo sự rủ rê, lôi kéo của các đối tượng người Trung Quốc, hơn nữa bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo, để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

[12]. Về hình phạt bổ sung: Tính chất của loại tội phạm mua bán người là nhằm thu lợi bất chính, tuy nhiên trong vụ án này bị cáo không phải người chủ mưu, cầm đầu, chỉ được hưởng một phần nhỏ số tiền đã phạm tội (*theo lời khai của bị cáo*). Thời điểm hiện tại hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo, miễn áp dụng mức phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[13]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo [Luc Thi H](#) phải bồi thường cho bị hại tổng số tiền 516.000.000đ gồm các khoản:

- Chi phí tìm kiếm đi lại liên hệ trong suốt thời gian 03 năm là 89.000.000đ;
- Chi phí làm việc phối hợp với cơ quan chức năng 27.000.000đ;
- Tổn thất về tinh thần do bị xâm phạm nghiêm trọng trong thời gian 03 năm và sinh 01 đứa con, ảnh hưởng đến danh dự nhân phẩm và cuộc sống của bị hại là 400.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo [Luc Thi H](#) trình bày không có điều kiện để bồi thường cho bị hại theo số tiền bị hại yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền 3.000 NDT bị cáo đã đưa cho bà [K1](#) (mẹ đẻ bị hại) bị cáo tự nguyện hỗ trợ gia đình bị hại và không đề nghị trừ vào số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại Điều 592 Bộ luật Dân sự quy định:

“1. Thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm bao gồm:

- a. Chi phí hợp lý để hạn chế, khắc phục thiệt hại;*
- b. Thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút;*
- c. Thiệt hại khác do pháp luật quy định;*

2. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm không quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định”.

Căn cứ vào các tình tiết khách quan của vụ án; điều kiện thực tế của bị hại; Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại gồm: Chi phí tiền công đi tìm bị hại với số tiền 10.000.000đ và bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín của bị hại bị xâm phạm là 10 tháng lương cơ sở x 2.530.000đ/1 tháng = 25.300.000đ. Tổng số tiền bị cáo [Luc Thi H](#) phải bồi thường cho bị hại [Đăng Thi T1](#) là 35.300.000đ. Ghi nhận số tiền bị cáo tự nguyện nộp tại Thi hành án Dân sự tỉnh Tuyên Quang để bồi thường cho bị hại là 10.000.000đ. Số tiền bị cáo còn phải bồi thường là 25.300.000đ.

[14]. Về vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 13 Pro 5G màu đen, màn hình cảm ứng, không phải chiếc điện thoại bị cáo sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, bị cáo khai nhận do điện thoại cũ bị hư hỏng nên toàn bộ ảnh và video bị cáo quay lại trước đây mục đích chứng minh rằng bị cáo không thực hiện hành vi bán chỉ [T1](#) sang Trung Quốc đã được bị cáo sao lại sang chiếc điện thoại mới này và tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Xét thấy, chiếc điện thoại bị cáo bị thu giữ vẫn chứa đựng những nội dung liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 300NDT bị cáo được hưởng lợi bất chính, căn cứ Công văn số 156/CV-CN HAG-TCTH ngày 13/5/2026 của [Ngân hàng TMCP C2](#) - [Chi](#)

[nhánh H6](#) quy đổi tỷ giá số tiền 300NDT vào thời điểm ngày 01/8/2019 là 3,400 x 300 NDT = 1.020.000 VNĐ. Do bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết nên cần truy thu sung ngân sách Nhà nước.

[15]. Đối với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà về cơ bản là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[16]. Đối với quan điểm đề nghị của người bào chữa cho bị cáo về tội danh, việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; miễn hình phạt bổ sung và án phí cho bị cáo là có căn cứ, cần được chấp nhận. Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo về việc áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật, từ 06 đến 07 năm tù là không đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17]. Đối với quan điểm đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[18]. Về án phí: Bị cáo [Luc Thi H](#) là người bị kết tội và còn có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại nên về nguyên tắc chung bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; tại phiên toà bị cáo có đơn xin miễn án phí, do đó căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo [Luc Thi H](#) được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch.

[19]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo [Luc Thi H](#) phạm tội “*Mua bán người*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo [Luc Thi H](#) **08 (tám)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (*ngày 30/01/2026*).

** Về hình phạt bổ sung:* Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 592 Bộ luật Dân sự;

- Buộc bị cáo [Luc Thi H](#) phải bồi thường cho bị hại [Đặng Thị T1](#) tổng số tiền là 35.300.000đ, trong đó: Bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm bị xâm hại là 25.300.000đ; chi phí công đi tìm là 10.000.000đ.

- Ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại 10.000.000đ nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, theo Biên lai thu tiền số 0000334, ngày 05/6/2026.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng như sau:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 13 Pro 5G màu đen, màn hình cảm ứng, không bật nguồn, không kiểm tra tình trạng hoạt động của máy, đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo [Lục Thi H.](#) (Như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh T và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Tuyên Quang ngày 20/6/2026).

- Truy thu số tiền 1.020.000đ (Một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) bị cáo hưởng lợi bất chính để sung Ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Bị cáo [Lục Thi H](#) được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 4 - Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang
- Trại Tạm giam Công an tỉnh;
- PC01; PC02; PV06 Công an tỉnh;
- THADS khu vực 4 - Tuyên Quang;
- UBKT Đảng uỷ xã Lao Chải;
- Người tham gia tố tụng;
- Tổ HCTP;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vương Thị Thu Hà

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Hồng Thái - Nguyễn Sơn Hải

Vương Thị Thu Hà

